

Số: 031 /24/QĐ-VDN

Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 75/VDN/2023 ngày 10/08/2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

- Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc Hội khóa XII.
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Căn cứ Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Căn cứ tài liệu PL207001-6 Quy cách thành phẩm tinh bột hồ hóa (Tinh bột chưa qua quá trình biến tính), sửa đổi có hiệu lực ngày 06/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi quy định về ATTP đối với chỉ tiêu vi sinh vật và bổ sung thêm quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm trong TCCS 75/VDN/2023 ngày 10/08/2023 “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” để phù hợp với quy định của Thông tư 17/2023/TT-BYT và tài liệu PL207001-6, cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Bản tự công bố sản phẩm	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6, mục 6.5.1). - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.7, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2). - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 2.18,	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.7, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2). - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 2.18,

		3.18). - Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.	3.18). - Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.																																												
2	Bản thông tin chi tiết về sản phẩm	1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6, mục 6.5.1). <table> <tr> <th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị</th><th>Mức tối đa</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td><td>CFU/g</td><td>10^6</td></tr> <tr> <td>2</td><td><i>Coliforms</i></td><td>CFU/g</td><td>10^3</td></tr> <tr> <td>3</td><td><i>Escherichia coli</i></td><td>CFU/g</td><td>10^2</td></tr> <tr> <td>4</td><td><i>Staphylococcus aureus</i></td><td>CFU/g</td><td>10^2</td></tr> <tr> <td>5</td><td><i>Clostridium perfringens</i></td><td>CFU/g</td><td>10^2</td></tr> <tr> <td>6</td><td><i>Bacillus cereus</i></td><td>CFU/g</td><td>10^2</td></tr> <tr> <td>7</td><td>Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc</td><td>CFU/g</td><td>10^3</td></tr> </table>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6	2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10^3	3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10^2	4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10^2	5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10^2	6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10^2	7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^3	1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. <table> <tr> <th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị</th><th>Mức tối đa</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td><td>CFU/g</td><td>10^6</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Tổng số nấm men và nấm mốc</td><td>CFU/g</td><td>10^3</td></tr> </table>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6	2	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^3
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa																																												
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6																																												
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10^3																																												
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10^2																																												
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10^2																																												
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10^2																																												
6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10^2																																												
7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^3																																												
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa																																												
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6																																												
2	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^3																																												



Điều 2: Các đơn vị liên quan của Công ty CPHH Vedan Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các đơn vị ghi ở Điều 2.
- Lưu: Văn phòng TGD, phòng ĐBCL.

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN CHÍ HÀO

Số: 0106 /24/CV-VDN

Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2024

V/v: “Thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 75/VDN/2023”

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Chi cục đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chúng tôi sản xuất và kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất đã thực hiện tự công bố số TCCS 75/VDN/2023 và được Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm Đồng Nai tiếp nhận, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chi cục: dongnai.vfa.gov.vn ngày 22/08/2023.

Trong hồ sơ công bố của sản phẩm này, chúng tôi đã công bố phù hợp theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6, mục 6.5.1).

Tuy nhiên, quy định này đã bị bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 7 Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm. Nay công ty chúng tôi xin thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố của sản phẩm nói trên, nội dung sửa đổi như sau:

Stt	Hạng mục	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Bản tự công bố sản phẩm	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6, mục 6.5.1). - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.7, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2). - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 2.18, 3.18). - Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.7, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2). - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 2.18, 3.18). - Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.



2	Bản thông tin chi tiết về sản phẩm	1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6, mục 6.5.1).				1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.			
		Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
		1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6	1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6
		2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10^3	2	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^3
		3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10^2				
		4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10^2				
		5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10^2				
		6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10^2				
		7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^3				

Đối với hồ sơ tự công bố của sản phẩm này, Chúng tôi chỉ sửa đổi các nội dung trên, các nội dung khác và chất lượng sản phẩm không thay đổi so với hồ sơ công bố đã được Quý Chi cục tiếp nhận trước đó.

Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Các đơn vị ghi ở Điều 2.
- Lưu: Văn phòng TGD, phòng ĐBCL.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CHÍ HÀO



Số: 107/24/QĐ-VDN

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 75/VDN/2023 ngày 10/08/2023

TỔNG GIÁM ĐỐC**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc Hội khóa XII.
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Căn cứ QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư 02/2011/TT-BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế.
- Căn cứ tài liệu PL207001 Quy cách thành phẩm tinh bột hồ hóa (Tinh bột chưa qua quá trình biến tính).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi quy định về ATTP đối với chỉ tiêu Aflatoxin B₁ và Aflatoxin tổng số (B₁, B₂, G₁, G₂) trong TCCS 75/VDN/2023 ngày 10/08/2023 “Tinh bột bắp hồ hóa” để phù hợp với quy định của QCVN 8-1:2011/BYT và tài liệu PL207001, cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Bản tự công bố sản phẩm	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.7, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2). - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.6, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2). - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục



		2.18, 3.18). - Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.	2.18, 3.18). - Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.																																																								
		1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.7, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2).	1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.6, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2).																																																								
2	Bản thông tin chi tiết về sản phẩm	<table> <tr> <th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị</th><th>Mức tối đa</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Hàm lượng Aflatoxin B₁</td><td>µg/kg</td><td>5</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B₁, B₂, G₁, G₂)</td><td>µg/kg</td><td>10</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Hàm lượng Ochratoxin A</td><td>µg/kg</td><td>3</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Hàm lượng Deoxynivalenol</td><td>µg/kg</td><td>750</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Hàm lượng Zearalenone</td><td>µg/kg</td><td>75</td></tr> <tr> <td>6</td><td>Hàm lượng Fumonisin</td><td>µg/kg</td><td>1000</td></tr> </table>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	1	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	5	2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂)	µg/kg	10	3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3	4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	750	5	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	75	6	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	1000	<table> <tr> <th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị</th><th>Mức tối đa</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Hàm lượng Aflatoxin B₁</td><td>µg/kg</td><td>2</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B₁, B₂, G₁, G₂)</td><td>µg/kg</td><td>4</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Hàm lượng Ochratoxin A</td><td>µg/kg</td><td>3</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Hàm lượng Deoxynivalenol</td><td>µg/kg</td><td>750</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Hàm lượng Zearalenone</td><td>µg/kg</td><td>75</td></tr> <tr> <td>6</td><td>Hàm lượng Fumonisin</td><td>µg/kg</td><td>1000</td></tr> </table>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	1	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	2	2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂)	µg/kg	4	3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3	4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	750	5	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	75	6	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	1000
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa																																																								
1	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	5																																																								
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂)	µg/kg	10																																																								
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3																																																								
4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	750																																																								
5	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	75																																																								
6	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	1000																																																								
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa																																																								
1	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	2																																																								
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂)	µg/kg	4																																																								
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3																																																								
4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	750																																																								
5	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	75																																																								
6	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	1000																																																								

Điều 2: Các đơn vị liên quan của Công ty CPHH Vedan Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các đơn vị ghi ở Điều 2.
- Lưu: Văn phòng TGD, phòng ĐBCL.



TỔNG GIÁM ĐỐC

NI CHIH HAO



Số: 086/24/CV-VDN

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2024

V/v: “Thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 75/VDN/2023”

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Chi cục đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chúng tôi sản xuất và kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất đã thực hiện tự công bố số TCCS 75/VDN/2023 và được Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm Đồng Nai tiếp nhận, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chi cục: dongnai.vfa.gov.vn ngày 22/08/2023.

Trong hồ sơ công bố của sản phẩm này, chúng tôi đã công bố các chỉ tiêu Aflatoxin B₁ và Aflatoxin tổng số (B₁, B₂, G₁, G₂) phù hợp theo mục 1.7 Ngô và gạo, phải sơ chế trước khi sử dụng làm thực phẩm hoặc làm thành phần nguyên liệu của thực phẩm của QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm. Nay công ty chúng tôi xin thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố của sản phẩm nói trên để phù hợp với Tiêu chuẩn sản phẩm do công ty kiểm soát và bản chất của sản phẩm, nội dung sửa đổi như sau:

Stt	Hạng mục	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Bản tự công bố sản phẩm	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.7, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2). - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 2.18, 3.18). - Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Tinh bột bắp hồ hóa (Corn starch pregel)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.6, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2). - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 2.18, 3.18). - Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.



2	Bản thông tin chi tiết về sản phẩm	1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.7, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2).				1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.6, 2.2, 4.4, 5.3, 6.2).			
		Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
		1	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	5	1	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	2
		2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂)	µg/kg	10	2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂)	µg/kg	4
		3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3	3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3
		4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	750	4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	750
		5	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	75	5	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	75
		6	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	1000	6	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	1000

Đối với hồ sơ tự công bố của sản phẩm này, Chúng tôi chỉ sửa đổi các nội dung trên, các nội dung khác và chất lượng sản phẩm không thay đổi so với hồ sơ công bố đã được Quý Chi cục tiếp nhận trước đó.

Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Văn phòng TGD, phòng DBCL.

